

QUY ĐỊNH
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐHQG TP.HCM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1802 /QĐ-ĐHBK-TCHC ngày 28 tháng 7 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này cụ thể hóa Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên ban hành ban hành theo các Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2010 và Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về **Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên**,

2. Văn bản này quy định mức giờ chuẩn, phương thức quy đổi khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV) trong Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM.

Điều 2. Định mức khối lượng công việc

1. **Thời gian làm việc** của CBVC theo chế độ làm việc 40 giờ/tuần. Tổng quỹ thời gian làm việc của CBVC được quy định trong 1 năm là 44 tuần (*tương đương 1760 giờ làm việc*), sau khi đã trừ số ngày nghỉ hè, nghỉ Tết âm lịch, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật, để thực hiện các công việc được giao theo nghĩa vụ tương ứng với vị trí công việc và chức danh được đảm nhiệm.

2. **Giờ chuẩn giảng dạy**: Là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ giảng dạy đối với mỗi chức danh tương đương với một tiết giảng lý thuyết, thực hành trên lớp, hướng dẫn luận án, luận văn, khóa luận, đồ án.... bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. **Định mức khối lượng công việc** của GV, NCV được quy định cho một năm học, bao gồm định mức giờ giảng dạy, định mức giờ nghiên cứu khoa học và định mức giờ thực hiện các nhiệm vụ khác (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khác). GV, NCV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi hoàn thành, đủ số giờ làm việc quy đổi cho từng nhiệm vụ sau khi đã được cân đối xét chuyển đổi bù đắp giữa các nhiệm vụ. Chi tiết các nhiệm vụ công việc như sau:

a) *Giảng dạy*: bao gồm các hoạt động đào tạo như giảng lý thuyết, bài tập; thực hành thí nghiệm; hướng dẫn, phản biện, tham gia hội đồng luận án, luận văn, khóa luận, đồ án, chuyên đề... Chi tiết về quy đổi giờ chuẩn và giờ làm việc cho các hoạt động giảng dạy được quy định tại **phụ lục 1**

b) *Nghiên cứu khoa học*: bao gồm các hoạt động liên qua đến NCKH và CGCN như viết bài báo khoa học, báo cáo HNKH; chủ nhiệm, tham gia đề tài đề án NCKH, dự án CGCN; phản biện, hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài đề án NCKH; chủ trì và tham gia tổ chức các HNKH... Khối lượng NCKH&CGCN được tính theo giờ làm việc. Chi tiết về quy đổi giờ NCKH&CGCN được quy định tại **phụ lục 2**

c) *Nhiệm vụ khác* là những công việc hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp tới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường theo sự phân công của nhà trường, khoa, trung tâm thuộc trường, bộ môn và phòng thí nghiệm. Cụ thể như sau: công tác quản lý kiêm nhiệm, xây dựng chương trình đào tạo, hướng dẫn cán bộ tập sự, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng đề tài, dự án, tham gia các hội đồng chuyên môn, nghiệp vụ, trực phòng thí nghiệm, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị phòng thí nghiệm, chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư thí nghiệm, phục vụ đề tài nghiên cứu... . Nhiệm vụ khác được chia làm 2 loại:

- + Nhiệm vụ khác liên quan đến chuyên môn (gọi tắt là NV 3A)
- + Nhiệm vụ khác đóng góp cho trường và đơn vị (gọi tắt NV 3B)

Chi tiết về quy đổi giờ làm việc của nhiệm vụ khác được quy định tại **phụ lục 3**

4. Định mức chuẩn khối lượng công việc của các viên chức thuộc các đơn vị cụ thể như sau:

Định mức chuẩn Chức danh cán bộ	Giảng dạy		NCKH & CGCN	Nhiệm vụ khác
	Số giờ làm việc	Giờ chuẩn GD	Số giờ làm việc	Số giờ làm việc
Ngạch Giảng viên				
GV	900	280	500	360
PGS và GVC	900	320	600	260
GS và GVCC	900	360	700	160
GV tập sự	450	140	250	620
Phục vụ giảng dạy	900	320	0	860
Riêng đối với cán bộ giảng dạy giáo dục thể chất, ngoại ngữ				
GV	900	420	0	860
PGS và GVC	900	460	0	860
Phục vụ giảng dạy	900	460	0	860

Ngạch nghiên cứu viên				
NCV/Thạc sĩ	400	140	800	560
NCV chính/Tiến sĩ	400	160	1000	360
NCV cao cấp	400	200	1100	260
NCV tập sự	200	90	350	770

– Đối với GS, PGS việc công bố các bài báo khoa học là nhiệm vụ bắt buộc với số lượng bài báo tối thiểu trong năm là 02 bài trong đó có ít nhất 01 bài ISI, SCI (áp dụng từ năm 2015 trở đi).

– Những trường hợp cán bộ không có đủ 10 tháng làm việc trong năm học căn cứ theo số tháng hưởng lương (cán bộ nghỉ hưu giữa năm học, cán bộ đi nước ngoài, cán bộ thôi việc hoặc chuyển công tác, ...) thì định mức khối lượng công việc được xác định theo tỉ lệ số tháng làm việc trên 10 tháng.

– Nhiệm vụ giảng dạy của GV tập sự bao gồm số giờ chuẩn từ giờ trợ giảng, giờ giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn bài tập, thí nghiệm, thực hành... theo đề nghị của CB hướng dẫn tập sự, không vượt quá 50% khối lượng giảng dạy của CBHD.

– GV là kỹ sư/cử nhân được giữ lại trường, sau khi hoàn tất tập sự, chỉ được hưởng định mức này tối đa 3 năm, sau đó phải có bằng thạc sĩ để chuyển sang cột định mức GV/Thạc sĩ.

– GV/Tiến sĩ được miễn tập sự, hưởng định mức giống như GV/Thạc sĩ cho đến khi đạt GV chính.

– Giảng viên, NCV theo học sau đại học đối với hệ đào tạo tập trung (Cao học: 1,5 - 2 năm, NCS: 4 năm) có định mức bằng 0 và 50% định mức giảng dạy của chức danh tương đương nếu theo hệ không tập trung. Nếu không hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định, GV, NCV theo học phải bồi hoàn lại phần giảm định mức trong khoảng thời gian theo học.

– Nữ GV, NCV nghỉ sinh con có định mức bằng 50% định mức đối với ngạch tương tương ứng

– Số giờ làm việc vượt định mức của nhiệm vụ NV 3A có thể được chuyển sang cho định mức nhiệm vụ giảng dạy và NCKH:

- Áp dụng tỷ lệ chuyển đổi 100% cho GV tập sự và GV đang theo học thạc sĩ và tiến sĩ theo mô hình bán thời gian.
- Áp dụng tỷ lệ chuyển đổi 50% cho CBGD có kiêm nhiệm công tác quản lý cấp cơ sở.

– Định mức tối thiểu của nhiệm vụ tự bồi dưỡng và đóng góp cho trường/đơn vị (NV 3B) phải được hoàn thành và không được chuyển đổi cho các nhiệm vụ khác.

– Khối lượng giảng dạy trong định mức bao gồm: khối lượng dạy các lớp chính quy, không chính quy, tại địa phương, sau đại học (lớp bảng 1).

– Các khối lượng giảng dạy ngoài nghĩa vụ được tính một phần (theo hệ số) vào định mức lao động khi có yêu cầu của GV, NCV.

5. Định mức nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và các trường hợp đặc biệt khác:

Giảng viên, nghiên cứu viên được bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác Đảng, đoàn thể hoặc các trường hợp đặc biệt khác có nghĩa vụ trực tiếp giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo khung định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của tổng định mức giảng dạy và nghiên cứu khoa học cả năm của chức danh mà giảng viên, nghiên cứu viên đó hiện đang giữ). Cụ thể như sau:

STT	Chức vụ	Tỷ lệ %
1	Hiệu trưởng	15%
2	Chủ tịch hội đồng trường, Phó hiệu trưởng	20%
3	Trưởng phòng	25%
4	Phó trưởng phòng	30%
5	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa	
	a) Đối với khoa lớn – loại A (cân đối dạng “ <u>trường</u> ” trực thuộc): (Xem chú thích tại bảng 1.1 phụ lục 1)	
	- Trưởng khoa	45%
	- Phó trưởng khoa	60%
	b) Đối với khoa nhỏ – loại B	
	- Trưởng khoa	50%
	- Phó trưởng khoa	60%
6	Trưởng bộ môn	80%
7	Phó trưởng bộ môn	85%
8	Giám đốc Trung tâm trực thuộc trường	60%
9	Bí thư đảng ủy, chủ tịch công đoàn ở những đơn vị có bố trí cán bộ chuyên trách	60%
10	Bí thư đảng ủy, chủ tịch công đoàn ở những đơn vị không bố trí cán bộ chuyên trách	55%
11	Phó bí thư và ủy viên thường vụ đảng ủy, Bí thư chi bộ nơi chưa thành lập Đảng bộ, Phó chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS HCM của Trường, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, ở những đơn vị có bố trí cán bộ chuyên trách	65%
12	Phó bí thư và ủy viên thường vụ đảng ủy, Bí thư chi bộ nơi chưa thành lập Đảng bộ, Phó chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS HCM của Trường, Trưởng ban thanh tra nhân dân, trưởng ban nữ công, chủ tịch hội cựu chiến binh, ở đơn vị không bố trí cán bộ chuyên trách	60%

13	Giảng viên kiêm nhiệm làm công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên thực hiện theo Quyết định số 61/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, đối với trường có trên 10 000 sinh viên:	
	GV kiêm Phó bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội sinh viên trường	60%
	GV kiêm Bí thư Đoàn Khoa	70%
	GV kiêm Phó Bí thư Đoàn Khoa, hoặc Bí thư chi đoàn cán bộ	80%
14	Giảng viên nữ có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi	90%
15	Giảng viên làm nhiệm vụ chủ nhiệm lớp	95%

Ghi chú:

Cán bộ giảng dạy kiêm nhiệm nhiều chức vụ: chỉ thực hiện một định mức giờ chuẩn thấp nhất.

Điều 3. Quản lý khối lượng giảng dạy

1. Đối tượng phải tính định mức giảng dạy và phải kê khai khối lượng giảng dạy bao gồm các cán bộ có ít nhất một tháng làm việc trong năm học (căn cứ theo sổ lương của Trường), được biên chế là:

- a) Giảng viên, nghiên cứu viên thuộc tất cả đơn vị trong trường;
- b) Phục vụ giảng dạy thuộc các khoa, trung tâm đào tạo.

2. Các khoa, trung tâm chịu trách nhiệm quản lý khối lượng giảng dạy của từng cán bộ thuộc quyền quản lý giảng dạy của đơn vị; cán bộ thuộc đơn vị nào quản lý về mặt giảng dạy thì kê khai khối lượng giảng dạy theo đơn vị đó. Trường hợp GV, NCV thuộc biên chế các trung tâm không có chức năng đào tạo thì phải đăng ký giảng dạy tại các khoa, trung tâm có đào tạo; khối lượng giảng dạy của cán bộ được kê khai theo khoa, trung tâm đó.

3. Khối lượng giảng dạy và khối lượng NCKH được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ trong năm học.

a) GV, NCV có thể chuyển đổi giờ làm việc giữa nhiệm vụ giảng dạy và NCKH khi không đạt được định mức tối thiểu của từng nhiệm vụ nhưng không được vượt quá 50% định mức tối thiểu. Việc chuyển đổi này không kéo dài quá 3 năm liên tục. Nếu có trường hợp kéo dài quá 3 năm, bản thân CBGD và thủ trưởng đơn vị quản lý CB đó phải có giải trình cho Hiệu trưởng xem xét trước khi có quyết định chỉ cho Thu nhập tăng thêm của CB đó. Tỷ lệ chuyển đổi giờ làm việc theo nguyên tắc 1 giờ chuẩn giảng dạy bằng 3 giờ làm việc NCKH.

b) GV, NCV Tổ chức - dẫn sinh viên đi thi các cuộc thi quốc gia, quốc tế; hướng dẫn SV làm NCKH các cấp (SV đứng tên chủ nhiệm đề tài) được phép chuyển đổi giờ làm việc ở nhiệm vụ chung sang nhiệm vụ NCKH. (Xem Phụ lục 4, Nhiệm vụ 3A).

c) Thủ trưởng đơn vị quản lý GV, NCV có trách nhiệm bố trí, phân công và điều phối việc giảng dạy để đảm bảo cho GV, NCV do đơn vị mình quản lý hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy.

Điều 4. Nhiệm vụ và Trách nhiệm của các bộ phận trong việc xác định định mức công việc

1. Nhiệm vụ và trách nhiệm của bộ phận phụ trách Đào tạo

Bộ phận phụ trách đào tạo của trường bao gồm Phòng Đào tạo và Phòng Đào tạo Sau đại học. Các phòng Đào tạo có nhiệm vụ:

- Thống kê, xác nhận khối lượng giảng dạy của các loại hình đào tạo chính quy (đại học và sau đại học), cao đẳng, không chính quy của GV, NCV chuyển cho phòng Kế hoạch Tài chính thanh toán sau khi có Quyết định chi của Hiệu trưởng.

- Thống kê, xác nhận giờ chuẩn của các loại hình đào tạo chính quy (đại học và sau đại học), cao đẳng, không chính quy của GV, NCV cho phòng Tổ chức Hành chính để phục vụ công tác đánh giá GV, NCV;

- Tham mưu, đề xuất với Ban Giám hiệu và Ban Kinh tế về những bất hợp lý cần sửa đổi trong quá trình thực hiện các quy định về học vụ, chính sách, định mức... đối với GV, NCV.

2. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Phòng Khoa học Công nghệ và Dự án

- Thống kê, xác nhận giờ làm việc của các hoạt động NCKH&CGCN, tiến độ thực hiện các đề tài, dự án của người lao động cho phòng Tổ chức Hành chính để phục vụ công tác đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

- Đánh giá các hoạt động NCKH&CGCN của GV, NCV.

3. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Phòng Tổ chức Hành chính

- Chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động để trình Ban Giám hiệu ra quyết định mức thu nhập tăng thêm cho người lao động.

- Phát hiện những trường hợp có liên quan đến nhân sự cần xem xét, đề xuất để Hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn trường quyết định.

- Cập nhật, bổ sung các nội dung công việc và giờ quy đổi liên quan đến nhiệm vụ chung (3A và 3B) của GV, NCV

- Tham mưu cho Ban Giám hiệu xét giải quyết các chế độ cho CBVC.

4. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Trưởng khoa và Giám đốc trung tâm:

- Đối với việc phân công các công việc giảng dạy ngoài nghĩa vụ: Chỉ phân công công việc giảng dạy ngoài nghĩa vụ cho GV, NCV nào đã chấp hành đúng khối lượng giảng dạy và những công việc liên quan đến giảng dạy chính quy mà đơn vị đã phân công.

– Giải trình các trường hợp đơn vị có GV, NCV không đạt định mức lao động trong năm học. Chịu trách nhiệm trước cấp trên trực tiếp nếu có trường hợp không tạo điều kiện cho CB dưới quyền đạt định mức lao động.

– Cung cấp đầy đủ thông tin về khối lượng phân công công việc nghĩa vụ, chất lượng công việc, và thái độ làm việc của các cá nhân thuộc đơn vị mình, làm cơ sở cho việc đánh giá thành tích làm việc và thưởng vượt định mức lao động.

– Xác nhận khối lượng hoàn thành nhiệm vụ khác của GV, NCV của đơn vị mình quản lý thông qua trường bộ môn, phòng thí nghiệm hoặc cấp tương đương.

– Bảo đảm việc đánh giá thành tích làm việc của các cá nhân trong đơn vị mình là khách quan, đúng các tiêu chí đã được công bố của nhà trường.

– Bảo đảm việc tự đánh giá thành tích của đơn vị mình được thực hiện một cách dân chủ, công khai, và trung thực.

– Đề xuất danh sách các cá nhân và đơn vị dưới quyền lên Hiệu trưởng để phê duyệt khen thưởng vượt định mức lao động.

Điều 5. Điều khoản áp dụng

1. Các quy định về tính định mức và khối lượng giảng dạy, nghiên cứu là cơ sở cho các khoa, trung tâm tính toán khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho từng cán bộ. Tổng định mức và khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học của từng khoa, trung tâm cũng được tính dựa trên những quy định này và các quy định bổ sung về cách quy đổi khối lượng thực hành, thí nghiệm, thực tập và hệ số điều chỉnh cho toàn đơn vị.

2. Quy định này được áp dụng từ năm học 2014 – 2015 và thay thế cho các điều khoản liên quan trong Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành trước đây.



HIỆU TRƯỞNG *H. 19. 11. 2014*

PGS.TS VŨ ĐÌNH THÀNH